

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp
được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý
của Sở Giáo dục và Đào tạo**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về
thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận
Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về
thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy
định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước
trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương
trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất,
kinh doanh năm 2025 và 2026;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số
5100/TTr-SGDĐT ngày 30/7/2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp
được thực hiện trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và
Đào tạo (Chi tiết có Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn,
tuyên truyền đến tổ chức, doanh nghiệp, người dân biết, tìm hiểu thực hiện, giám
sát và đánh giá việc thực hiện; phấn đấu đạt tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến
của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 80%.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xây dựng quy trình điện tử,
mẫu đơn, mẫu tờ khai (eform) dịch vụ công trực tuyến tại Điều 1 Quyết định này

trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố; đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố với các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để thực hiện dịch vụ công trực tuyến thông suốt, liền mạch, hiệu quả, minh bạch và giảm tối đa giấy tờ; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 80%.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp các Sở, ban ngành cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia đảm bảo đầy đủ, kịp thời, chính xác, đúng quy định.

4. Thời gian thực hiện: Kể từ ngày 30/8/2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- TTTU (để b/c);
- TT HĐND TP (để b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- Báo và phát thanh, truyền hình HP;
- Các PCVP UBND TP;
- Trung tâm PVHCC TP;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, N.V.Trường.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Cường

Phụ lục**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN DOANH NGHIỆP ĐƯỢC THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng)***A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (TTHC)**

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
			Toàn trình	Một phần	
I.	Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác (04 TTHC)				
1	1.005061	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	x		
2	1.012960	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học		x	
3	1.012959	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao		x	
4	1.012958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên		x	
II.	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp (15 TTHC)				
1	1.013760	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		x	
2	1.013762	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		x	
3	1.013763	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		x	

4	1.013761	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		x	
5	1.013759	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thực		x	
6	1.013765	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận		x	
7	1.013764	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;		x	
8	1.010928	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp		x	
9	1.000482	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận		x	
10	1.000530	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		x	
11	1.000553	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài		x	
12	1.010596	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực		x	
13	1.000389	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp		x	
14	2.000189	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp		x	

15	1.000167	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp		x	
III. Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên (08 TTHC)					
1	1.013751	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên tư thực		x	
2	1.013755	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực		x	
3	1.013754	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên tư thực		x	
4	1.013758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)		x	
5	1.012988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm)		x	
6	1.013753	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên tư thực		x	
7	1.013757	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực		x	
8	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên		x	
IV. Lĩnh vực Giáo dục trung học (02 TTHC)					
1	1.012955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông		x	
2	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông		x	
V. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (01 TTHC)					
1	1.005143	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	x		

VI. Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (20 TTHC)					
1	1.000718	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với: cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		x	
2	1.001493	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	x		
3	1.001496	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	x		
4	1.006446	Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		x	
5	1.001495	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		x	
6	1.000939	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	x		
7	1.008722	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		x	
8	1.001492	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	x		
9	1.001497	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	x		
10	1.013767	Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập		x	
11	1.001499	Phê duyệt liên kết giáo dục	x		
12	1.001501	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện		x	

13	2.000545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	x		
14	1.008720	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	x		
15	1.008721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	x		
16	1.008723	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		x	
17	1.000716	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		x	
18	2.000729	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	x		
19	2.000680	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam		x	
20	2.000451	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam		x	
Tổng cộng			12	38	50

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (23 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
			Toàn trình	Một phần	
I.	Lĩnh vực Cơ sở giáo dục khác (04 TTHC)				
1	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học		x	
2	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập		x	
3	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập		x	
4	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)		x	
II.	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (03 TTHC)				
1	1.005143	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	x		
2	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		x	
3	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		x	
III.	Lĩnh vực Giáo dục trung học (08 TTHC)				

1	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở		x	
2	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở		x	
3	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)		x	
4	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ		x	
5	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục		x	
6	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại		x	
7	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ		x	
8	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)		x	
IV. Lĩnh vực Giáo dục tiểu học (04 TTHC)					
1	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học		x	
2	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục		x	
3	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học		x	
4	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)		x	
V. Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên (04 TTHC)					

1	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng		x	
2	1.012970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại		x	
3	3.000307	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng		x	
4	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)		x	
Tổng cộng			1	22	23